TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2023/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 23 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 268/2023/TBTL-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị **Phạm Uyên T**, sinh năm: 1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số X, đường N, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở hiện nay: số A, đường M, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Anh **Bùi Ngọc H**, sinh năm: 1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn X, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Chỗ ở hiện nay: số A, đường M, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Uyên T và anh Bùi Ngọc H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2019, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Vì vậy, từ năm 2022 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay chị T và anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án

công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy yêu cầu của chị T và anh H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Phạm Uyên T và anh Bùi Ngọc H.

[2] Về con chung: Chị Phạm Uyên T và anh Bùi Ngọc H xác định vợ chồng có 01 con chung là Bùi Ngọc Trúc U, sinh ngày 01/9/2022. Khi ly hôn chị T và anh H thống nhất thỏa thuận giao con chung là Bùi Ngọc Trúc U cho chị T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh H thống nhất để hai bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét thấy, sự thỏa thuận của chị T và anh H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của chị T và anh H.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Uyên T và anh Bùi Ngọc H thỏa thuận nhận chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Uyên T và anh Bùi Ngọc H thoả thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phạm Uyên T và anh Bùi Ngọc H thống nhất thỏa thuận giao con chung là Bùi Ngọc Trúc U, sinh ngày 01/9/2022 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh H thống nhất để hai bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Uyên T và anh Bùi Ngọc H thỏa thuận nhận chịu 300.000đ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị T và anh H đã tạm nộp theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011681 ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ. Chị T và anh H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tư nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- UBND xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Ngọc